Phụ lục V, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020

BỘ CÔNG THƯƠNG
TỔNG CÔNG TY MÁY&TBCN-CTCP

Số: 712/BC-MIE-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
(6 tháng đầu năm 2024)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên công ty: Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP
- Địa chỉ: Số 7A Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
- Điện thoại: 024.38252498 Fax: 024.38261129 Email: info@mie.com.vn
- Vốn điều lệ: 1.419.915.000.000 đồng
- Mã chứng khoán: MIE
- Mô hình quản trị công ty:

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
	Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông		
1	Nghị quyết 08/NQ ĐHĐCĐBT2024	15/3/2024	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024: 1. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
2	Nghị quyết 49/NQ-ĐHĐCĐTN2024	26/6/2024	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024: 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023, Kế hoạch năm 2024. 2. Thông qua Báo cáo công bố tình hình quản trị tại Tổng công ty năm 2023, Kế hoạch năm 2024. 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 và kế hoạch năm 2024. 4. Thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và

Signature Not Verified
Ký bởi: TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
Ký ngày: 30/7/2024 17:19:37

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty. 5. Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Tổng công ty. 6. Thông qua Báo cáo tài chính Công ty Mẹ và Hợp nhất năm 2023 và phương án phân phối lợi nhuận Công ty Mẹ năm 2023, Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024. 7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024. 8. Thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 của HĐQT, BKS, TGĐ & Người quản lý khác và Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao năm 2024 của Người quản lý.

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Trần Quốc Toản	Chủ tịch	21/6/2021	
2	Hoàng Minh Việt	Thành viên	21/6/2021	
3	Cù Ngọc Phương	Thành viên	21/6/2021	
4	Lê Quốc Hưng	Thành viên	21/6/2021	28/6/2022
5	Phạm Thành Đông	Thành viên	28/6/2022	
6	Trần Thị Thu Trang	Thành viên	21/6/2021	15/3/2024
7	Lê Huy Hải	Thành viên	15/3/2024	

2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Quốc Toản	13	100%	
2	Ông Phạm Thành Đông	13	100%	
3	Bà Trần Thị Thu Trang	0	0%	Sức khoẻ không cho phép; thôi Thành viên HĐQT từ ngày 15/3/2024
4	Ông Lê Huy Hải	10	76,92%	Được bầu làm Thành viên HĐQT từ ngày 15/3/2024
5	Ông Cù Ngọc Phương	13	100%	
6	Ông Hoàng Minh Việt	13	100%	

3. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc:

Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành nhằm triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai điều hành các hoạt động của Tổng công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Báo cáo, xin ý kiến Hội đồng quản trị những vấn đề nổi cộm, bất thường và thuộc phạm vi quyết định của Hội đồng quản trị. Tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

- Báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Tổng công ty cũng như các đơn vị thành viên. Các báo cáo được Tổng giám đốc báo cáo trong các cuộc họp Hội đồng quản trị. Đối với các vướng mắc phát sinh trong quá trình điều hành đã kịp thời báo cáo, xin ý kiến Hội đồng quản trị.

- Chủ động trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 Hợp nhất Tổng công ty và Công ty Mẹ trình Hội đồng quản trị thông qua và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đã thông qua và Hội đồng quản trị đã phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện việc giám sát tài chính các công ty con theo Quy chế giám sát của Tổng công ty đã ban hành, báo cáo kết quả giám sát về Hội đồng quản trị, nhằm nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp tại Tổng công ty.

- Tích cực trong công tác thu hồi công nợ, tuy nhiên do nhiều yếu tố khách quan, việc thu hồi công nợ tuy có kết quả nhưng chưa đạt như kỳ vọng.

- Tích cực và chủ động trong việc xây dựng, điều chỉnh các quy định, quy chế cho phù hợp với tình hình hoạt động doanh nghiệp, tạo cơ sở pháp lý trong công tác quản lý doanh nghiệp.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có tiểu ban

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
I	**Các Nghị quyết của HĐQT**			
1	Nghị quyết 02/NQ-MIE-HĐQT	09/01/2024	Bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	100%
2	Nghị quyết 03/NQ-MIE-HĐQT	18/01/2024	Công tác bổ nhiệm cán bộ thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc Tổng công ty	100%
3	Nghị quyết 04/NQ-MIE-HĐQT	23/01/2024	Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2024	100%
4	Nghị quyết 05/NQ-MIE-HĐQT	07/02/2024	Phê duyệt Quy chế công tác văn thư, lưu trữ	100%
5	Nghị quyết 06/NQ-MIE-HĐQT	07/3/2024	Phê duyệt/thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Cơ quan Tổng công ty, các công ty con và đơn vị phụ thuộc	100%
6	Nghị quyết 07/NQ-MIE-HĐQT	07/3/2024	Bổ nhiệm cán bộ	100%
7	Nghị quyết 09/NQ-MIE-HĐQT	15/3/2024	Tình hình thực hiện hợp đồng liên quan đến khoản tiền vay với Công ty CP Bia - Rượu- Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco)	100%
8	Nghị quyết 10/NQ-MIE-HĐQT	29/3/2024	Phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2024	100%
9	Nghị quyết 11/NQ-MIE-HĐQT	29/3/2024	Hiệu chỉnh Quy chế quản lý tài chính ban hành tại QĐ số 1094/QĐ-MIE-HĐQT ngày 29/12/2023	100%
10	Nghị quyết 12/NQ-MIE-HĐQT	29/3/2024	Phê duyệt kế hoạch lao động năm 2024 cho Cơ quan Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP	100%
11	Nghị quyết 13/NQ-MIE-HĐQT	29/3/2024	Triển khai một số giải pháp đối với công tác tái cơ cấu Công ty Technoimport	100%
12	Nghị quyết 14/NQ-MIE-HĐQT	29/3/2024	Giảm trừ giá trị hợp đồng EPC 40/2019/EVNPMB2-EPC-SESAN4 ký ngày 11/12/2019	100%
13	Nghị quyết 15/NQ-MIE-HĐQT	09/4/2024	Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐTN năm 2024	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
14	Nghị quyết 16/NQ-MIE-HĐQT	16/4/2024	Trình ĐHĐCĐTN năm 2024 thông qua Báo cáo kế hoạch SXKD năm 2023, kế hoạch SXKD năm 2024 của MIE	100%
15	Nghị quyết 17/NQ-MIE-HĐQT	16/4/2024	Đồng ý xử lý kỷ luật Ông Nguyễn Anh Tuấn, Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty Technoimport	100%
16	Nghị quyết 18/NQ-MIE-HĐQT	17/4/2024	Đánh giá thực hiện nhiệm vụ năm 2023 đối với Người đại diện vốn nhà nước giữ chức danh quản lý, điều hành tại Tổng công ty	100%
17	Nghị quyết 19/NQ-MIE-HĐQT	17/4/2024	Đánh giá thực hiện nhiệm vụ năm 2023 đối với người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên	100%
18	Nghị quyết 20/NQ-MIE-HĐQT	06/5/2024	Công tác nhân sự tại MIE	100%
19	Nghị quyết 21/NQ-MIE-HĐQT	06/5/2024	Quyết toán quỹ tiền lương, thù lao Thực hiện 2023 và quỹ tiền lương, thù lao Kế hoạch 2024 của Cơ quan Tổng công ty	100%
20	Nghị quyết 22/NQ-MIE-HĐQT	06/5/2024	Thông qua quỹ tiền lương, thù lao Thực hiện năm 2023 và quỹ tiền lương, thù lao Kế hoạch năm 2024 của Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	100%
21	Nghị quyết 23/NQ-MIE-HĐQT	06/5/2024	Thông qua quỹ tiền lương, thù lao Thực hiện năm 2023 và quỹ tiền lương, thù lao Kế hoạch năm 2024 của Công ty cổ phần Dụng cụ số 1	100%
22	Nghị quyết 24/NQ-MIE-HĐQT	06/5/2024	Khoản vốn góp của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Xi măng Đồng Bành và thông qua phương án chuyển tên cho người góp vốn	100%
23	Nghị quyết 25/NQ-MIE-ĐU-HĐQT	27/5/2024	Thông qua nhân sự giới thiệu để bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dụng cụ số 1	100%
24	Nghị quyết 26/NQ-MIE-HĐQT	27/5/2024	Thông qua chủ trương nhân sự	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			tại Công ty cổ phần Cơ khí Duyên Hải	
25	Nghị quyết 27/NQ-MIE-HĐQT	27/5/2024	Thông qua chủ trương nhân sự tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	100%
26	Nghị quyết 28/NQ-MIE-HĐQT	05/6/2024	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2021-2026 và nhiệm kỳ 2026-2031 của Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	100%
27	Nghị quyết 29/NQ-MIE-HĐQT	05/6/2024	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2021-2026 và nhiệm kỳ 2026-2031 của Công ty Mecanimex	100%
28	Nghị quyết 30/NQ-MIE-HĐQT	05/6/2024	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2021-2026 và nhiệm kỳ 2026-2031 của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	100%
29	Nghị quyết 31/NQ-MIE-HĐQT	05/6/2024	Thông qua chủ trương kiện toàn nhân sự HĐQT MIE sau khi thành viên HĐQT Hoàng Minh Việt nghỉ hưu	100%
30	Nghị quyết 32/NQ-MIE-HĐQT	21/6/2024	Quyết toán quỹ tiền lương, thù lao Thực hiện năm 2023 và quỹ tiền lương, thù lao Kế hoạch năm 2024 cho Công ty Cơ khí Hà Nội	100%
31	Nghị quyết 33/NQ-MIE-HĐQT	21/6/2024	Quyết toán quỹ tiền lương, thù lao Thực hiện năm 2023 và quỹ tiền lương, thù lao Kế hoạch năm 2024 cho Cty Cơ khí Quang Trung	100%
32	Nghị quyết 34/NQ-MIE-HĐQT	21/6/2024	Quyết toán quỹ tiền lương, thù lao Thực hiện năm 2023 và quỹ tiền lương, thù lao Kế Hoạch năm 2024 cho Cty Mecanimex	100%
33	Nghị quyết 35/NQ-MIE-HĐQT	21/6/2024	Chấp thuận BCTC, PPLN, trích lập và sử dụng các quỹ năm 2023 cho Công ty Cơ khí Hà Nội	100%
34	Nghị quyết 36/NQ-MIE-HĐQT	21/6/2024	Chấp thuận BCTC, PPLN, trích	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			lập và sử dụng các quỹ năm 2023 cho Công ty Cơ khí Quang Trung	
35	Nghị quyết 37/NQ-MIE-HĐQT	21/6/2024	Chấp thuận BCTC, PPLN, trích lập và sử dụng các quỹ năm 2023 cho Công ty Cơ khí Duyên Hải	100%
36	Nghị quyết 38/NQ-MIE-HĐQT	21/6/2024	Chấp thuận BCTC, PPLN, trích lập và sử dụng các quỹ năm 2023 cho Công ty ISC	100%
37	Nghị quyết 39/NQ-MIE-HĐQT	21/6/2024	Thông qua BCTC năm 2023 cho Công ty CP Dụng cụ số 1	100%
38	Nghị quyết 40/NQ-MIE-HĐQT	21/6/2024	Chấp thuận BCTC, PPLN năm 2023 cho Công ty Mecanimex	100%
39	Nghị quyết 41/NQ-MIE-HĐQT	21/6/2024	Chấp thuận BCTC năm 2023 cho Công ty Technoimport	100%
40	Nghị quyết 42/NQ-MIE-HĐQT	21/6/2024	Xếp loại DN năm 2023 Công ty Technoimport	100%
41	Nghị quyết 43/NQ-MIE-HĐQT	21/6/2024	Xếp loại DN năm 2023 Công ty Mecanimex	100%
42	Nghị quyết 44/NQ-MIE-HĐQT	21/6/2024	Xếp loại DN năm 2023 Công ty Cơ khí Quang Trung	100%
43	Nghị quyết 45/NQ-MIE-HĐQT	21/6/2024	Xếp loại DN năm 2023 Công ty Cơ khí Hà Nội	100%
44	Nghị quyết 46/NQ-MIE-HĐQT	21/6/2024	Nâng bậc lương đối với Người quản lý Công ty Cơ khí Hà Nội	100%
45	Nghị quyết 47/NQ-MIE-HĐQT	21/6/2024	Chi trả thù lao đối với Phó Tổng giám đốc Tổng công ty	100%
46	Nghị quyết 48/NQ-MIE-HĐQT	21/6/2024	Kết quả kiểm tra, giám sát tình hình tài chính năm 2023 của các công ty con, chi nhánh của Tổng công ty	100%
47	Nghị quyết 50/NQ-MIE-HĐQT	27/6/2024	Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP	100%
48	Nghị quyết 51/NQ-MIE-HĐQT	27/6/2024	Giao Quyền Tổng giám đốc Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
49	Nghị quyết 52/NQ-MIE-HĐQT	27/6/2024	Công tác nhân sự tại Công ty Technoimport	100%
II	**Các Quyết định của HĐQT**			
1	Quyết định 69/QĐ-MIE-HĐQT	26/01/2024	Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐBT năm 2024	100%
2	Quyết định 88/QĐ-MIE-HĐQT	30/01/2024	Chi thưởng Tết Nguyên Đán 2024 cho Người quản lý Cơ quan Tổng công ty	100%
3	Quyết định 128/QĐ-MIE-HĐQT	23/02/2024	Ban hành Quy chế công tác văn thư, lưu trữ của MIE	100%
4	Quyết định 171/QĐ-MIE-HĐQT	12/3/2024	Giao kế hoạch năm 2024 cho Cơ quan Tổng công ty	100%
5	Quyết định 250/QĐ-MIE-HĐQT	04/4/2024	Chi trả thù lao đối với Bộ phận Đại diện vốn nhà nước	100%
6	Quyết định 260/QĐ-MIE-HĐQT	09/4/2024	Thành lập Ban Tổ chức ĐHĐCĐTN năm 2024	100%
7	Quyết định 270/QĐ-MIE-HĐQT	10/4/2024	Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT	100%
8	Quyết định 281/QĐ-MIE-HĐQT	11/4/2024	Bổ sung thành viên tham gia Ban Chỉ đạo tái cơ cấu Công ty Technoimport	100%
9	Quyết định 307/QĐ-MIE-HĐQT	17/4/2024	Chi các ngày lễ đối với Người quản lý Cơ quan Tổng công ty	100%
10	Quyết định 333/QĐ-MIE-HĐQT	02/5/2024	Phê duyệt, rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ năm 2024	100%
11	Quyết định 372/QĐ-MIE-HĐQT	15/5/2024	Phân phối tiền thưởng đối với Người quản lý Cơ quan Tổng công ty	100%
12	Quyết định 404/QĐ-MIE-HĐQT	28/5/2024	Thôi và điều chỉnh số cổ phần đại diện theo ủy quyền của MIE tại Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	100%
13	Quyết định 415/QĐ-MIE-HĐQT	28/5/2024	Giao phần vốn đại diện theo ủy quyền của MIE tại Công ty Cơ khí Quang Trung	100%
14	Quyết định 422/QĐ-MIE-HĐQT	28/5/2024	Công tác nhân sự đối với Ông Vũ Trung Thực	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
15	Quyết định 438/QĐ-MIE-HĐQT	31/5/2024	Ban hành Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐTN năm 2024	100%
16	Quyết định 503/QĐ-MIE-HĐQT	19/6/2024	Ban hành Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐTN năm 2024 (Thay thế QĐ số 483/QĐ-MIE-HĐQT ngày 31/5/2024)	100%
17	Quyết định 557/QĐ-MIE-HĐQT	27/6/2024	Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty	100%
18	Quyết định 558/QĐ-MIE-HĐQT	27/6/2024	Giao Quyền Tổng giám đốc Tổng công ty	100%

III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng):

1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS		Trình độ chuyên môn
			Bổ nhiệm	Miễn nhiệm	
1	Đinh Quang Hòa	Trưởng BKS	21/6/2021		Cử nhân kinh tế
2	Lê Thị Minh Huyền	KSV kiêm nhiệm	21/6/2021		Cử nhân kinh tế
3	Nguyễn Thị Khánh Ly	KSV kiêm nhiệm	21/6/2021		Cử nhân kinh tế

2. Cuộc họp của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Số buổi tham dự họp	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Đinh Quang Hòa	04/04	100%	100%	Không
2	Lê Thị Minh Huyền	04/04	100%	100%	Không
3	Nguyễn Thị Khánh Ly	04/04	100%	100%	Không

3. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành và cổ đông:

Đầu năm 2024 Ban Kiểm soát đã họp và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong ban.

- Ban Kiểm soát thực hiện việc giám sát hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị và điều hành của Ban Tổng giám đốc thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, đồng thời giám sát trình tự, thủ tục tổ chức các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

- Trưởng ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, theo dõi các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành để nắm bắt được các nội dung chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

- Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên về việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán Báo cáo Tài chính của Tổng công ty năm 2024

- Ban Kiểm soát đã tiến hành thực hiện việc thẩm định Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam năm 2023 và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và phương hướng hoạt động năm 2024; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty năm 2023.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát và quy định của pháp luật về thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Tổng công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, tránh rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện công bố thông tin kịp thời, chính xác theo các quy định của pháp luật. Các thông tin cơ bản về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình Tài chính của Tổng công ty đều được đăng tải công khai trên Website của Tổng công ty.

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc kiểm tra, kiểm soát và thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty khi có yêu cầu.

5. Hoạt động khác của Ban kiểm soát: Không

IV. Ban điều hành

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Lê Huy Hải	12/8/1976	Quyền Tổng giám đốc	Kỹ sư xây dựng	Bổ nhiệm ngày 27/6/2024
2	Phạm Thành Đông	02/01/1974	Tổng giám đốc	Thạc sĩ kỹ thuật	Miễn nhiệm ngày 27/6/2024

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
3	Đậu Huy Ngọc Linh	02/9/1981	Phó Tổng giám đốc	Cử nhân kinh tế	Bổ nhiệm ngày 12/4/2017
4	Vũ Trung Thực	07/8/1978	Phó Tổng giám đốc	Kỹ sư Cơ tin kỹ thuật	Bổ nhiệm ngày 02/4/2021

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Ban điều hành đã chấp hành các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị Tổng công ty, trình Hội đồng quản trị phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền. Tổng giám đốc đã chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, thực hiện phân cấp theo đúng quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế Quản lý tài chính, Quy chế Quản lý dự án đầu tư phát triển…

V. Kế toán trưởng

VI. Đào tạo về quản trị Công ty:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, các người quản lý khác và Thư ký Tổng công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Không có.

VII. Danh sách về người có liên quan của Tổng công ty (Báo cáo 6 tháng) và giao dịch của người có liên quan của Tổng công ty với chính Tổng công ty

1. Danh sách về người có liên quan của Tổng công ty: Phụ lục 01 đính kèm

2. Giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan của Tổng công ty; hoặc giữa Tổng công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Người có liên quan	Số ĐKKD: 0200596735 Đăng ký lần đầu: 17/02/2004 Thay đổi lần 9: 26/01/2022 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng	Số 133 đường 5 cũ. phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	6 tháng đầu năm 2024	Nghị quyết số 34/NQ-MIE-HĐQT ngày 22/7/2021	Hợp đồng chế tạo, cung cấp thiết bị, mua bán vật tư cho MIE: Mua hàng: 9,121 tỷ đồng Bán hàng: 4,304 tỷ đồng	Công ty có vốn góp của MIE

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
							Bán hàng: 4,304 tỷ đồng	
2	Công ty Tư vấn đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp	Người có liên quan	GCN đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100101379 -005 Đăng ký lần đầu ngày 08/5/2002, thay đổi lần 3: 29/5/2017 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	Số 7A Mạc Thị Bưởi, phường. Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	6 tháng đầu năm 2024	Nghị quyết số 34/NQ-MIE-HĐQT ngày 22/7/2021	Hợp đồng chế tạo, cung cấp thiết bị, mua bán vật tư cho MIE: Mua hàng: 2,507 tỷ đồng Bán hàng: 15,990 tỷ đồng	Đơn vị trực thuộc MIE
3	Công ty TNHH NN MTV XNK sản phẩm cơ khí (MECA)	Người có liên quan	Số ĐKKD 0100100671 Đăng ký lần đầu: 31/12/2004 Thay đổi lần 8: 08/12/2021 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội	số 4 Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	6 tháng đầu năm 2024	Nghị quyết số 34/NQ-MIE-HĐQT ngày 22/7/2021	Các hợp đồng cung cấp dịch vụ cho MIE: Mua hàng: 0,587 tỷ đồng	Công ty con của MIE
4	Nhà máy Quy chế Từ Sơn	Người có liên quan	Số ĐKKD 0100100671-005 Đăng ký lần đầu: 07/04/2005 Thay đổi lần 7:17/11/2021 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Từ Sơn	TS5, KCN Tiên Sơn, Phường Đồng Nguyên, TP Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	6 tháng đầu năm 2024	Nghị quyết số 34/NQ-MIE-HĐQT ngày 22/7/2021	Các hợp đồng mua bán vật tư với MIE Bán hàng 22,448 tỷ đồng	Đơn vị phụ thuộc Meca
5	Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Hà Nội	Người có liên quan	Số ĐKKD: 0100100174 đăng ký lần đầu: 20/10/ 2004 Thay đổi lần thứ 05: 31/7/ 2020 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội	Số 76 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội	6 tháng đầu năm 2024	Nghị quyết số 34/NQ-MIE-HĐQT ngày 22/7/2021	Các hợp đồng chế tạo, cung cấp thiết bị cho MIE: Mua hàng: 0,864 tỷ đồng	Công ty con của MIE

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
6	Công ty Xây lắp công nghiệp	Người có liên quan	GCN đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100101379-004 Đăng ký lần đầu: 20/7/1997, thay đổi lần 4: 30/1/2024. Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội	Số 7A Mạc Thị Bưởi, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội	6 tháng đầu năm 2024	Nghị quyết số 34/NQ-MIE-HĐQT ngày 22/7/2021	Hợp đồng cung cấp dịch vụ bán hàng: 0,026 tỷ đồng	Đơn vị trực thuộc MIE
7	Công ty cổ phần Dụng cụ số 1	Người có liên quan	Số ĐKKD: 0100100791 đăng ký lần đầu: 07/10/ 2004 Thay đổi lần thứ 7 24/6/2024 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội	Số 108 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội	6 tháng đầu năm 2024	Nghị quyết số 34/NQ-MIE-HĐQT ngày 22/7/2021	Các hợp đồng MIE cho Công ty cổ phần Dụng cụ vay vốn: 10,550 tỷ đồng	Công ty có vốn góp của MIE
8	Công ty TNHH Một Thành Viên Xuất nhập khẩu Thiết bị toàn bộ và Kỹ thuật	Người có liên quan	Số ĐKKD: 0100108021 đăng ký lần đầu: 08/11/ 2010 Thay đổi lần thứ 7 13/6/2024 Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội	Số 13 Phố Đặng Dung, phường Quán Thánh, quận Ba	6 tháng đầu năm 2024	Nghị quyết số 34/NQ-MIE-HĐQT ngày 22/7/2021	Hợp đồng cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng bán hàng: 0,010 tỷ đồng	Công ty con của MIE

3. Giao dịch giữa người nội bộ Tổng công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát

Không có.

4. Giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa Tổng công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo).

Không có.

4.2. Giao dịch giữa Tổng công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc/Tổng giám đốc điều hành.

Không có.

4.3. Các giao dịch khác của Tổng công ty có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc

phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người quản lý khác.

Không có.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ: Phụ lục 2 đính kèm.

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Tổng công ty

Không có.

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0100101379 - C.T.C.P
TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Quốc Toản

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS, TGĐ;
- Các Ban: TCKT, KHĐT;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT, TCNS.

Phụ lục V, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020

Phụ lục số 01

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA TỔNG CÔNG TY

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Tổng công ty	Số giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên lạc	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty
I	**Bộ Công Thương**				**Số 54 Hai Bà Trưng, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội**	**20/01/2017**			**Đại diện chủ sở hữu (có vốn góp chi phối)**
II	**Công ty con, Công ty cổ phần có vốn góp chi phối, đơn vị phụ thuộc**								
1	**Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội**			Số ĐKKD: 0100100174 Đăng ký lần đầu: 20/10/2004 Thay đổi lần 5: 31/7/2020 Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp Hà Nội	Số 76, Nguyễn Trãi, P. Thượng Đình, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội	20/01/2017			Công ty con là công ty TNHH MTV

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Tổng công ty	Số giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên lạc	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty
1.1	Đỗ Hoài Nam			Số CCCD: 001070020594 Ngày cấp: 21/4/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	27 Tôn Thất Thiệp, P. Điện Biên, Q. Ba Đình, Tp. HN	18/6/2021 (Chủ tịch)			Người quản lý Công ty con - Chủ tịch Công ty
1.2	Nguyễn Ngọc Hùng			Số CCCD: 001068014748 Ngày cấp: 19/7/2018 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 24 phố Trung Yên, P. Hàng Bạc, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	28/7/2020 (Tổng giám đốc)			Người quản lý Công ty con - Tổng giám đốc Công ty
2	**Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung**			Số ĐKKD: 0100102083 Đăng ký lần đầu: 06/12/2004 Thay đổi lần 7: 21/01/2021 Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp.Hà Nội	Số 360 Giải Phóng, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội	20/01/2017			Công ty con của Tổng công ty

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Tổng công ty	Số giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên lạc	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty
2.1	Trần Thị Thu Trang			Số CCCD: 022174000007 Ngày cấp: 08/5/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Phòng 1612-1615, Tòa nhà V1, Home City, 177 phố Trung Kính, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	01/6/2024 (Chủ tịch)			Người quản lý Công ty con - Chủ tịch Công ty
2.1	Đậu Huy Ngọc Linh		Phó Tổng giám đốc Tổng công ty	Số CCCD: 040081030314 Ngày cấp: 19/4/2023 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Thôn Văn Điển, X. Tứ Hiệp, H. Thanh Trì, Tp. Hà Nội	14/01/2021 (TGĐ Công ty)			Người quản lý Công ty con - Tổng giám đốc Công ty
3	**Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Sản phẩm Cơ khí**			Số ĐKKD: 0100100671 Đăng ký lần đầu: 31/12/2004 Đăng ký thay đổi lần 8: 08/12/2021 Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp.Hà Nội	Số 4 Vũ Ngọc Phan, P. Láng Hạ, Q.Đống Đa Tp. Hà Nội	20/01/2017			Công ty con là công ty TNHH MTV

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Tổng công ty	Số giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên lạc	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty
3.1	Nguyễn Thị Thanh Bình			Số CCCD: 019173002161 Ngày cấp: 10/7/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	C105 KĐT The Manor, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội	20/01/2017 (Chủ tịch kiêm TGĐ)	13/5/2021 (Thôi TGĐ)		Người quản lý Công ty con- Chủ tịch Công ty
3.2	Trịnh Minh Thạnh			Số CCCD: 034077012881 Ngày cấp: 10/5/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Tổ 23 P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội	13/5/2021 (Tổng giám đốc)			Người quản lý Công ty con - Tổng giám đốc Công ty
4	**Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thiết bị toàn bộ và Kỹ thuật**			Số ĐKKD: 0100108021 Đăng ký lần đầu: 08/11/2010 Thay đổi lần 6: 01/4/2016 Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội	Số 16-18 Tràng Thi, P. Hàng Trống, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	20/01/2017			Công ty con là công ty TNHH MTV

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Tổng công ty	Số giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên lạc	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty
4.1	Nguyễn Anh Tuấn			Số Hộ chiếu: C0331565 Ngày cấp: 14/4/2015 Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh	Số nhà 35, ngõ 25, đường Phú Minh, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm,Tp.HN	20/01/2017 (Chủ tịch, Tổng giám đốc)	01/01/2021 (Thôi Chủ tịch Công ty) 21/03/2023 (Tiếp tục giữ chức vụ Chủ tịch Công ty)		Người quản lý Công ty con - Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty
5	**Công ty cổ phần Cơ khí Duyên Hải**			Số ĐKKD: 0200596735 Đăng ký lần đầu: 17/02/2004 Thay đổi lần 9: 26/01/2022 Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp. Hải Phòng	Số 133 đường 5 cũ, P. Quán Toan, Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng	20/01/2017			Công ty con là công ty cổ phần do MIE sở hữu >50%
5.1	Cù Ngọc Phương		Thành viên HĐQT Tổng công ty	Số CCCD: 033066003769 Ngày cấp: 28/6/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số109 Lán Bè, P. Lam sơn, Q. Lê Chân, Tp. Hải Phòng	22/6/2020 (Phụ trách HĐQT, thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025; Tổng giám đốc Công ty)			Người quản lý Công ty con - Phụ trách HĐQT, Tổng giám đốc Công ty

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Tổng công ty	Số giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên lạc	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty
6	**Công ty cổ phần Dụng cụ số 1**			Số ĐKKD: 0100100791 Đăng ký lần đầu: 07/01/2004 Thay đổi lần 7: 24/6/2024 Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp.Hà Nội	129A Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội	20/01/2017			Công ty con là công ty cổ phần do MIE sở hữu >50%
6.1	Vũ Trung Thực		Phó Tổng giám đốc; Người được uỷ quyền CBTT của Tổng công ty	Số CCCD: 001078004419 Ngày cấp: 10/5/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Căn 11, Packexim 2, ngách 15/6, đường An Dương Vương, Quận Tây Hồ, Tp.Hà Nội	Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2022 - 2027: 30/6/2022; Tổng Giám đốc ngày 30/6/2022	01/6/2024 (Thôi Tổng giám đốc)		Người quản lý Công ty con - Chủ tịch HĐQT Công ty
6.2	Đỗ Đức Dũng			Số CCCD: 019079006649 Ngày cấp: 21/01/2023 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số nhà 163 Khu tập thể Quân đội, xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội	01/6/2024 (Tổng giám đốc)			Người quản lý Công ty con - Tổng giám đốc Công ty

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Tổng công ty	Số giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên lạc	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty
7	Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp (ISC)			Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 0100101379-005 đăng ký lần đầu ngày 08/5/2002, thay đổi lần 3 ngày 29/5/2017 Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp.Hà Nội	Tầng 3, Tòa nhà số 7A Mạc Thị Bưởi, P.Vĩnh Tuy, Q.Hai Bà Trưng, Tp.HN	20/01/2017			Đơn vị phụ thuộc
7.1	Lê Huy Hải		Thành viên HĐQT, Quyền Tổng giám đốc Tổng công ty	Số CCCD: 038076016280 Ngày cấp: 31/7/2023 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Căn hộ chung cư 1005 Tòa nhà CT4 Dự án Iris Garden, TDP số 15, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	20/01/2017: Giám đốc ISC 29/4/2022: P. TGĐ MIE 15/3/2024: TV HĐQT MIE 27/6/2024: Q.TGĐ MIE			Người quản lý Đơn vị phụ thuộc - Giám đốc Chi nhánh
8	Công ty Xây lắp công nghiệp			Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 0100101379-004 đăng ký lần đầu ngày 20/7/1997, thay đổi lần 4 ngày 30/01/2024 Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp.Hà Nội	số 7A Mạc Thị Bưởi, P.Vĩnh Tuy, Q.Hai Bà Trưng, Tp.HN	20/01/2017			Đơn vị phụ thuộc

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Tổng công ty	Số giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên lạc	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty
8.1	Ngô Ngọc Diện			Số CCCD: 033081016238 Ngày cấp: 18/12/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số nhà P1, Khu phố mới, phường Đồng Nguyên, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	01/1/2024 (Giám đốc Chi nhánh)			Người quản lý Đơn vị phụ thuộc - Giám đốc Chi nhánh
9	Chi nhánh Tổng công ty tại Tp.HCM			Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 0100101379-003 đăng ký lần đầu ngày 04/8/2006, thay đổi lần 4 ngày 19/7/2017 Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp.HCM	Số 275 Hùng Vương, Phường 9, Quận 6, Tp.HCM	20/01/2017			Tạm ngừng hoạt động công ty từ ngày 01/12/2022
III	**Hội đồng quản trị**								

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Tổng công ty	Số giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên lạc	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty
1	Trần Quốc Toản		Chủ tịch HĐQT	Số CCCD: 034068010491 Ngày cấp 10/5/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Căn hộ 3108 toà C6 D'Capitale 119 Trần Duy Hưng, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội	16/01/2017 (CT HĐQT nhiệm kỳ 2017-2021) 21/6/2021 (CT HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026)			Người nội bộ
2	Phạm Thành Đông		Thành viên HĐQT	Số CCCD: 001074005357 Ngày cấp: 24/6/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số 18 ngõ 75 đường Xuân Đỉnh, Tổ dân phố 2, P. Xuân Tảo, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	28/6/2022 (Được bầu làm TV HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026)			Người nội bộ
3	Trần Thị Thu Trang		Thành viên HĐQT	Số CCCD: 022174000007 Ngày cấp: 08/5/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Phòng 1612-1615, Tòa nhà V1, Home City, 177 phố Trung Kính, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	21/6/2021 (TV HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026)	15/3/2024 (Thôi TV HĐQT)		Người nội bộ

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Tổng công ty	Số giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên lạc	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty
4	Lê Huy Hải		Thành viên HĐQT	Số CCCD: 038076016280 Ngày cấp: 31/7/2023 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Căn hộ chung cư 1005 Tòa nhà CT4 Dự án Iris Garden, TDP số 15, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	15/3/2024 (TV HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026)			Người nội bộ
5	Hoàng Minh Việt		Thành viên HĐQT	Số CCCD: 037063004128 Ngày cấp: 19/4/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Nhà 52, ngõ 36A Phố Trần Điền, P. Định Công, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội	16/01/2017 (TV HĐQT nhiệm kỳ 2017-2021) 21/6/2021 (TV HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026)			Người nội bộ
6	Cù Ngọc Phương		Thành viên HĐQT	Số CCCD: 033066003769 Ngày cấp: 28/6/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số109 Lán Bè, P. Lam sơn, Q. Lê Chân, Tp. Hải Phòng	16/01/2017 (TV HĐQT nhiệm kỳ 2017-2021) 21/6/2021 (TV HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026)			Người nội bộ

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Tổng công ty	Số giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên lạc	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty
IV	**Ban Tổng giám đốc**								
1	Phạm Thành Đông		Tổng giám đốc	Số CCCD: 001074005357 Ngày cấp: 24/6/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số 18 ngõ 75 đường Xuân Đỉnh, Tổ dân phố 2, P. Xuân Tảo, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	03/03/2017 (Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc) 30/6/2022 (Bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc)	27/6/2024 (Miễn nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty)		Người nội bộ
2	Lê Huy Hải		Quyền Tổng giám đốc	Số CCCD: 038076016280 Ngày cấp: 31/7/2023 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Căn hộ chung cư 1005 Tòa nhà CT4 Dự án Iris Garden, TDP số 15, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	29/4/2022 (Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc) 27/6/2024 (giao Quyền Tổng giám đốc Tổng công ty)			Người nội bộ
3	Đậu Huy Ngọc Linh		Phó Tổng giám đốc	Số CCCD: 040081030314 Ngày cấp: 19/4/2023 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Thôn Văn Điển, X. Tứ Hiệp, H. Thanh Trì, Tp. Hà Nội	12/4/2017 (Phó TGĐ)			Người nội bộ

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Tổng công ty	Số giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên lạc	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty
4	Vũ Trung Thực		Phó Tổng giám đốc	Số CCCD: 001078004419 Ngày cấp: 10/5/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Căn 11, Packexim 2, ngách 15/6, đường An Dương Vương, Quận Tây Hồ, Tp.Hà Nội	02/4/2021 (Phó TGĐ)			Người nội bộ
V	**Phụ trách Kế toán**								
1	**Đào Văn Thắng**		Trưởng Ban Tài chính - Kế toán	Số CCCD: 034091003956 Ngày cấp: 07/7/2016 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 8A Thôn Thượng Phúc, Xã Tà Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội	01/4/2023 (Thực hiện nhiệm vụ Phụ trách Kế toán Tổng công ty)			Người nội bộ
VI	**Ban kiểm soát**								
1	Đinh Quang Hoà		Trưởng BKS	Số CCCD 030073003308 Ngày cấp: 08/12/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số nhà 83 ngõ Tân Lạc, Phố Đại La, P. Trương Định, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội	16/01/2017 (Trưởng BKS nhiệm kỳ 2017-2021) 21/6/2021 (Trưởng BKS nhiệm kỳ 2021-2026)			Người nội bộ

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Tổng công ty	Số giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/địa chỉ liên lạc	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với Tổng công ty
2	Lê Thị Minh Huyền		Kiểm soát viên; Trưởng ban TCNS	Số CCCD: 026172007322 Ngày cấp: 17/5/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	C0903 Nhà N03 Chung cư 25 Phố Lạc Trung, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội	10/6/2020 (KSV nhiệm kỳ 2017-2021) 21/6/2021 (KSV nhiệm kỳ 2021-2026)			Người nội bộ
3	Nguyễn Thị Khánh Ly		Kiểm soát viên	Số CCCD: 034183000120 Ngày cấp: 10/7/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Căn hộ 1107 Tòa nhà Imperial Plaza, số 360 đường Giải Phóng, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp.Hà Nội	27/4/2018 (KSV nhiệm kỳ 2017-2021) 21/6/2021 (KSV nhiệm kỳ 2021-2026)			Người nội bộ
VII	**Thư ký Hội đồng quản trị, Phụ trách quản trị công ty**								
1	Nguyễn Thị Minh Tâm	014C51 7188	TB. Kế hoạch Đầu tư; Thư ký HĐQT, Phụ trách quản trị Tổng công ty	Số CCCD: 001178042388 Cấp ngày: 10/7/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số 1 Ngõ 84 Phố Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội	01/10/2021 (kiêm nhiệm Thư ký HĐQT) 01/8/2022 (kiêm nhiệm Phụ trách quản trị, Thư ký HĐQT Tổng công ty)			Người nội bộ

Phụ lục V, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020

Phụ lục số 02

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	**Trần Quốc Toản**		Chủ tịch HĐQT	Số CCCD: 034068010491 Ngày cấp 10/5/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Căn hộ 3108 toà C6 D'Capitale 119 Trần Duy Hưng, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội	- Đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty, số cổ phần đại diện: 85.194.900 - Số cổ phiếu của cá nhân: 9.600	- Đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty, tỷ lệ đại diện: 60% - Số cổ phiếu của cá nhân: 0,00676%	Người nội bộ
1.1	Trần Quang Vinh							Bố đẻ (đã mất)
1.2	Đỗ Thị Lục							Mẹ đẻ (đã mất)

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1.3	Phạm Đức Riệu			Số CMND: 036040000029 Ngày cấp: 22/8/2014 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Phường Đông Ngàn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh			Bố vợ
1.4	Trần Thị Loan			Số CMND: 125416376 Ngày cấp: 25/12/2007 Nơi cấp: CA Bắc Ninh	Phường Đông Ngàn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh			Mẹ vợ
1.5	Phạm Thị Huệ			Số CMND: 125557441 Ngày cấp: 31/3/2010 Nơi cấp: CA Bắc Ninh	Căn hộ 3108 toà C6 D'Capitale 119 Trần Duy Hưng, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội			Vợ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1.6	Trần Huệ Chi			Số CMND: 013563686 Ngày cấp: 16/6/2012 Nơi cấp: CA Hà Nội	Căn hộ 3108 toà C6 D'Capitale 119 Trần Duy Hưng, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội			Con đẻ
1.7	Trần Chi Mai			Số CCCD: 027306000097 Ngày cấp: 15/3/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Căn hộ 3108 toà C6 D'Capitale 119 Trần Duy Hưng, phường Trung Hoà, quận Cầu Giấy, Hà Nội			Con đẻ
1.8	Trần Minh Tuấn			Số CMND: 125399515 Ngày cấp: 17/4/2007 Nơi cấp: CA Bắc Ninh	Số 131 phố Trần Phú, phường Đông Ngàn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh			Anh trai
1.9	Đoàn Thị Nhung			Số CMND: 125818524 Ngày cấp: 08/4/2014 Nơi cấp: CA Bắc Ninh	Số 131 phố Trần Phú, phường Đông Ngàn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh			Chị dâu

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1.10	Trần Văn Ấn			Số CMND: 281130622 Ngày cấp: 07/01/2017 Nơi cấp: CA Bình Dương	Dĩ An, Bình Dương			Anh trai
1.11	Phạm Thị Dung			Số CMND: 281142686 Ngày cấp: 27/7/2012 Nơi cấp: CA Bình Dương	Dĩ An, Bình Dương			Chị dâu
1.12	Trần Xuân Độ			Số CMND: 151677804 Ngày cấp: 05/9/2012 Nơi cấp: CA Thái Bình	X. Đông Lâm, H. Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình			Anh trai
1.13	Đoàn Thị Noãn			Số CMND: 150932658 Ngày cấp: 03/3/2014 Nơi cấp: CA Thái Bình	X. Đông Lâm, H. Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình			Chị dâu

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1.14	Trần Thị Vui			Số CMND: 151114442 Ngày cấp: 04/3/2014 Nơi cấp: CA Thái Bình	X. Đông Lâm, H. Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình			Em gái
1.15	Phạm Tuấn Anh			Số CMND: 034071008025 Ngày cấp: 16/7/2019 Nơi cấp: CA Thái Bình	X. Đông Lâm, H. Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình			Em rể
2	**Lê Huy Hải**		Thành viên HĐQT, Quyền Tổng giám đốc Tổng công ty	Số CCCD: 038076016280 Ngày cấp: 31/7/2023 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Căn hộ chung cư 1005 Tòa nhà CT4 Dự án Iris Garden, TDP số 15, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	- Đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty, số cổ phần đại diện: 28.094.890	- Đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty, tỉ lệ đại diện: 19,785%	Người nội bộ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
2.1	Lê Văn Nghĩa			Số CCCD: 038050022137 Ngày cấp: 17/11/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Xã Hà Thái, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa			Bố đẻ
2.2	Vũ Thị Diến			Số CCCD: 038149017615 Ngày cấp: 01/9/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Xã Hà Thái, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa			Mẹ đẻ
2.3	Phạm Ngọc Tài							Bố vợ (Đã mất)
2.4	Vũ Thị Kim Liên			Số CCCD: 036148008694 Ngày cấp: 02/7/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số 57, Phù Long, phường Trần Tế Xương, TP. Nam Định			Mẹ vợ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
2.5	Phạm Thị Ngọc Lan			Số CCCD: 036177008841 Ngày cấp: 17/07/2022 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Căn hộ chung cư 1005 Tòa nhà CT4 Dự án Iris Garden, TDP số 15, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội			Vợ
2.6	Lê Phạm Tùng Lâm			Số CCCD: 036206002481 Ngày cấp: 19/12/2023 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Căn hộ chung cư 1005 Tòa nhà CT4 Dự án Iris Garden, TDP số 15, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội			Con ruột
2.7	Lê Phạm Anh Minh				Căn hộ chung cư 1005 Tòa nhà CT4 Dự án Iris Garden, TDP số 15, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội			Con ruột (còn nhỏ)

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
2.8	Lê Huy Hưng			Số CCCD: 038073011237 cấp ngày 19/5/2020 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số nhà C3-28.11 Vinhomes Central Park Tân Cảng: Số 720A Điện Biên Phủ, P22, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh			Anh ruột
2.9	Bùi Thị Thanh Thùy			Số CCCD: 040181026197 cấp ngày 11/01/2022 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số nhà C3-28.11 Vinhomes Central Park Tân Cảng: Số 720A Điện Biên Phủ, P22, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh			Chị dâu
2.10	Lê Duy Hoàng			Số CCCD: 038081034607 cấp ngày 03/6/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Tiểu khu 3, thị trấn Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa			Em ruột
2.11	Ngô Thị Hoa			Số CMND: 171857945 cấp ngày 07/10/2011 Nơi cấp: CA tỉnh Thanh Hóa	Tiểu khu 3, thị trấn Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa			Em dâu

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
2.12	Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp (ISC)			Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số 0100101379-005 đăng ký lần đầu ngày 08/5/2002, thay đổi lần 3 ngày 29/5/2017 Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp.Hà Nội	Tầng 3, Tòa nhà số 7A Mạc Thị Bưởi, P.Vĩnh Tuy, Q.Hai Bà Trưng, Tp.HN			Ông Lê Huy Hải là Giám đốc Công ty ISC
3	**Phạm Thành Đông**		Thành viên HĐQT	Số CCCD: 001074005357 Ngày cấp: 24/6/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số 18 ngõ 75 đường Xuân Đỉnh, Tổ dân phố 2, P. Xuân Tảo, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	- Số cổ phiếu của cá nhân: 2.100	- Số cổ phiếu của cá nhân: 0,00147%	Người nội bộ
3.1	Phạm Chín							Bố đẻ (đã mất)
3.2	Tạ Thị Hạo			Số CMND: 110175926 Ngày cấp: 18/8/2011 Nơi cấp: CA Hà Nội	Thôn Quảng Minh, X. Mỹ Hưng, H. Thanh Oai, Tp. Hà Nội			Mẹ đẻ
3.3	Nguyễn Văn Tỵ							Bố vợ (đã mất)

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
3.4	Nguyễn Thị Phương							Mẹ vợ (đã mất)
3.5	Nguyễn Thị Thu Thủy			Số CCCD: 001176001288 Ngày cấp: 09/12/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số 18 ngõ 75 đường Xuân Đỉnh, Tổ dân phố 2, P. Xuân Tảo, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội			Vợ
3.6	Phạm Thu Trang			Số CCCD 001300000675 Ngày cấp: 12/8/2014 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 18 ngõ 75 đường Xuân Đỉnh, P. Xuân Tảo, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội			Con đẻ
3.7	Phạm Thành Đạt			Số CCCD: 001210060198 Ngày cấp: 23/5/2024 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số 18 ngõ 75 đường Xuân Đỉnh, P. Xuân Tảo, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội			Con đẻ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
3.8	Phạm Mạnh Hà			Số CMND: 112223747 Ngày cấp: 28/4/2005 Nơi cấp: CA Hà Tây	Thôn Quảng Minh, X. Mỹ Hưng, H. Thanh Oai, Tp. Hà Nội			Anh trai
3.9	Nguyễn Thị Huyền			Số CCCD: 001175029205 Ngày cấp: 24/4/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Thôn Quảng Minh, X. Mỹ Hưng, H. Thanh Oai, Tp. Hà Nội			Chị dâu
3.10	Phạm Vân Nam			Số CMND: 111439949 Ngày cấp: 03/8/2011 Nơi cấp: CA Hà Nội	Thôn Quảng Minh, X. Mỹ Hưng, H. Thanh Oai, Tp. Hà Nội			Em trai
3.11	Nguyễn Thị Thanh Mị			Số CCCD: 001180016885 Ngày cấp: 30/5/2017 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Thôn Quảng Minh, X. Mỹ Hưng, H. Thanh Oai, Tp. Hà Nội			Em dâu

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
3.12	Phạm Thị Bích Hảo			Số CMND: 001180013201 Ngày cấp: 12/8/2016 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Thôn Khúc Thủy, X. Cự Khê, H. Thanh Oai, Tp. Hà Nội			Em gái
3.13	Đào Văn Nhàn			Số CCCD: 001075021057 Ngày cấp: 15/01/2019 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Tập thể Học viện Phòng không không quân, X. Kim Sơn, TX. Sơn Tây, Tp. Hà Nội			Em rể
4	**Hoàng Minh Việt**		Thành viên HĐQT	Số CCCD: 037063004128 Ngày cấp: 19/4/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Nhà 52, ngõ 36A, phố Trần Điền, P. Định Công, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội	1.100	0,00077%	Người nội bộ
4.1	Hoàng Hữu Văn							Bố đẻ (đã mất)

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
4.2	Phạm Thị Đỗn							Mẹ đẻ (đã mất)
4.3	Lê Xuân Hoán							Bố vợ (đã mất)
4.4	Nguyễn Thị Lịch			Số CCCD 037141000361 Ngày cấp: 30/7/2019 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	P. Nam Binh, Tp.Ninh Bình			Mẹ vợ
4.5	Lê Thị Thanh Hường			Số CCCD 037174000444 Ngày cấp: 30/5/2016 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Nhà 52, ngõ 36A, phố Trần Điền, P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội			Vợ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
4.6	Hoàng Hữu Đường			Số CCCD 001099013829 Ngày cấp: 30/5/2016 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Nhà 52, ngõ 36A, phố Trần Điền, P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội			Con đẻ
4.7	Hoàng Lê Anh Thư			Số CCCD 001304021062 Ngày cấp: 06/5/2019 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Nhà 52, ngõ 36A, phố Trần Điền, P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội			Con đẻ
4.8	Hoàng Minh Đức			Số CCCD: 037060002891 Ngày cấp: 06/4/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Thành phố Ninh Bình			Anh trai

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
4.9	Nguyễn Thị Chín			Số CCCD: 037161001915 Ngày cấp: 06/4/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Thành phố Ninh Bình			Chị dâu
4.10	Hoàng Thị Minh Tuyết			Số CCCD: 037151000783 Ngày cấp: 08/4/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	229 Tây Sơn, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội			Chị gái
4.11	Trịnh Đức Tính			Số CCCD: 037050001286 Ngày cấp: 08/4/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	229 Tây Sơn, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội			Anh rể

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
4.12	Hoàng Thị Minh Yến			Số CMND: 164009127 Ngày cấp: 13/11/2014 Nơi cấp: CA Ninh Bình	X. Gia Phú, H. Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình			Chị gái
4.13	Đinh Đình Quang			Số CCCD: 037055000094 Ngày cấp: 6/11/2015 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	X. Gia Phú, H. Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình			Anh rể
4.14	Hoàng Sơn Hà			Số CCCD 037069000510 Ngày cấp: 28/7/2016 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	X. Gia Phú, H. Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình			Em trai

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
4.15	Vũ Thị Liễu			Số CCCD 037172004268 Ngày cấp: 15/4/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	X. Gia Phú, H. Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình			Em dâu
5	**Cù Ngọc Phương**		Thành viên HĐQT	Số CCCD: 033066003769 Ngày cấp: 28/6/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số109 Lán Bè, P. Lam Sơn, Q. Lê Chân, Tp. Hải Phòng			Người nội bộ
5.1	Cù Quốc Sở			Số CMND: 140013074 Ngày cấp: 11/3/2009 Nơi cấp: CA Hải Dương	Số 78 Nguyễn thị Duệ, Q. Thanh Bình, Tp. Hải Dương			Bố đẻ
5.2	Bùi Thị Nụ							Mẹ đẻ (đã mất)

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
5.3	Phạm Huy Vũ							Bố vợ (đã mất)
5.4	Nguyễn Thị Tiệm				P. Bắc Sơn, Q. Kiến An, Tp. Hải Phòng			Mẹ vợ (mất CMND)
5.5	Phạm Thị Bích Doan			Số CCCD: 031174011072 Ngày cấp: 05/07/2023 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số109 Lán Bè, P. Lam Sơn, Q. Lê Chân, Tp. Hải Phòng			Vợ
5.6	Cù Ngọc Thanh			Số CCCD: 031196003158 Ngày cấp: 20/4/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số109 Lán Bè, P. Lam Sơn, Q. Lê Chân, Tp. Hải Phòng			Con đẻ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
5.7	Cù Thanh Thủy			Số CCCD: 031303002846 Ngày cấp: 31/5/2021 Nơi cấp: Cục CS QL cư trú về dân cư	Số109 lán bè, P. Lam Sơn, Q. Lê Chân, Tp. Hải Phòng			Con đẻ
5.8	Cù Ngọc Nam			Số CMND: 141923181 Ngày cấp: 25/12/2012 Nơi cấp: CA Hải Dương	Số 11 Nguyễn Danh Nho, P. Hải Tân, Tp. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương			Em trai
5.9	Hoàng Thị Hằng				Số 11 Nguyễn Danh Nho, P. Hải Tân, Tp. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương			Em dâu (mất CMND)
5.10	Cù Thị Bắc			Số CMND: 141528384 Ngày cấp: 26/4/2013 Nơi cấp: CA Hải Dương	Số78 Nguyễn Thị Duệ, P. Thanh Bình, Tp. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương			Em gái

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
5.11	Cù Ngọc Dũng			Số CMND: 040334801 Ngày cấp: 10/10/2003 Nơi cấp: CA Điện Biên	Số 205 phố 5, P. Thanh Bình, Tp. Điện Biên, Tỉnh Điện Biên			Em trai
5.12	Lê Thị Kim Thanh			Số CCCD: 011176000304 Ngày cấp: 01/01/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số 205 phố 5, P. Thanh Bình, Tp. Điện Biên, Tỉnh Điện Biên			Em dâu
5.13	Công ty cổ phần Cơ khí Duyên Hải			Số ĐKKD: 0200596735 Cấp lần 9 ngày: 26/01/2022 Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp.Hải Phòng	Số 133 đường 5 cũ, P. Quán Toan, Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng			Ông Cù Ngọc Phương là Phụ trách HĐQT, Tổng giám đốc Công ty

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
6	**Đậu Huy Ngọc Linh**		Phó Tổng giám đốc	Số CCCD: 040081030314 Ngày cấp: 19/4/2023 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Thôn Văn Điển, X. Tứ Hiệp, Q. Thanh trì, Tp. Hà Nội	1.000	0,00070%	Người nội bộ
6.1	Đậu Huy Lộc			Số CMND: 181908185 Ngày cấp: 12/4/2007 Nơi cấp: CA Nghệ An	X. Quỳnh Hồng, H. Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An			Bố đẻ
6.2	Hồ Thị Lương			Số CMND: 182218519 Ngày cấp: 18/3/2012 Nơi cấp: CA Nghệ An	X. Quỳnh Hồng, H. Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An			Mẹ đẻ
6.3	Trần Minh Tuấn			Số CMND: 125399515 Ngày cấp: 17/4/2007 Nơi cấp: CA Bắc Ninh	Số 131 phố Trần Phú, P. Đông Ngàn, Tp. Từ Sơn Tỉnh Bắc Ninh			Bố vợ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
6.4	Đoàn Thị Nhung			Số CMND: 125818524 Ngày cấp: 08/4/2014 Nơi cấp: CA Bắc Ninh	Số 131 phố Trần Phú, P. Đông Ngàn, Tp. Từ Sơn Tỉnh Bắc Ninh			Mẹ vợ
6.5	Trần Thị Ánh Tuyết			Số CMND: 125489329 Ngày cấp: 07/8/2013 Nơi cấp: CA Bắc Ninh	P. Đông ngàn, Tp. Từ Sơn Tỉnh Bắc Ninh	100	0,00007%	Vợ
6.6	Đậu Huy Hoàng				Thôn Văn Điển, X. Tứ Hiệp, H. Thanh Trì, Tp. Hà Nội			Con đẻ (Còn nhỏ)
6.7	Đậu Tuyết Anh				Thôn Văn Điển, X. Tứ Hiệp, H. Thanh Trì, Tp. Hà Nội			Con đẻ (Còn nhỏ)

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
6.8	Đậu Huy Luật			Số CMND: 182341761 Ngày cấp: 05/8/2013 Nơi cấp: CA Nghệ An	X. Quỳnh Hồng, H. Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An			Anh trai
6.9	Trần Thị Hiền			Số CMND: 186512479 Ngày cấp: 01/7/2014 Nơi cấp: CA Nghệ An	X. Quỳnh Hồng, H. Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An			Chị dâu
6.10	Đậu Huy Ngọc Lưu			Số CMND/CCCD: 040083000280 Ngày cấp: 04/3/2016 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	1409IP2, 360 Giải Phóng, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội			Em trai

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
6.11	Nguyễn Thị Mai			Số CMND: 013621885 Ngày cấp: 13/4/2013 Nơi cấp: CA Hà Nội	1409IP2, 360 Giải Phóng, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội			Em dâu
6.12	Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung			Số ĐKKD: 0100102083 Đăng ký lần đầu: 06/12/2004 Thay đổi lần 7: 21/01/2021 Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp.Hà Nội	Số 360 Giải Phóng, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội			Ông Đậu Huy Ngọc Linh là Tổng giám đốc Công ty
7	**Vũ Trung Thực**		Phó Tổng giám đốc; Người được uỷ quyền CBTT của Tổng công ty	Số CCCD: 001078004419 Ngày cấp: 10/5/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Căn 11, Packexim 2, ngách 15/6, đường An Dương Vương, Q. Tây Hồ, Tp. Hà Nội	1.300	0,00092%	Người nội bộ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
7.1	Vũ Kiến Thiết			Số CCCD: 001055007061 Ngày cấp: 03/4/2017 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Căn 11, Packexim 2, ngách 15/6, đường An Dương Vương, Q. Tây Hồ, Tp. Hà Nội			Bố đẻ
7.2	Phạm Thị Loạt			Số CCCD: 001156007308 Ngày cấp: 23/11/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Căn 11, Packexim 2, ngách 15/6, đường An Dương Vương, Q. Tây Hồ, Tp. Hà Nội			Mẹ đẻ
7.3	Nguyễn Quốc Hội							Bố vợ (đã mất)
7.4	Vũ Thị Quang			Số CMND: 070349072 Ngày cấp: 01/8/2008 Nơi cấp: CA Tuyên Quang	Số 47, Tổ 19, P. Đội Cấn, Tp. Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang			Mẹ vợ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
7.5	Nguyễn Thị Thu Loan			Số CCCD: 008179006039 Ngày cấp: 10/5/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Căn 11, Packexim 2, ngách 15/6, đường An Dương Vương, Q.Tây Hồ, Tp. Hà Nội			Vợ
7.6	Vũ Anh Thái			Số CCCD: 008207000100 Ngày cấp: 04/4/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Căn 11, Packexim 2, ngách 15/6, đường An Dương Vương, Q. Tây Hồ, Tp. Hà Nội			Con đẻ
7.7	Vũ Thái Dương				Căn 11, Packexim 2, ngách 15/6, đường An Dương Vương, Q. Tây Hồ, Tp. Hà Nội			Con đẻ (Còn nhỏ)

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
7.8	Vũ Đức Trung			Số CCCD: 001083039674 Ngày cấp: 11/3/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số 98, Tổ 18, P. Đội Cấn, Tp. Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang			Em trai
7.9	Phạm Thị Mai			Số CCCD: 025185001768 Ngày cấp: 11/3/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số 98, Tổ 18, P. Đội Cấn, Tp. Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang			Em dâu
7.10	Vũ Đức Hiếu			Số CCCD: 001083039606 Ngày cấp: 21/02/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số 91, Tổ 18, P. Đội Cấn, Tp. Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang			Em trai

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
7.11	Vũ Thị Thúy Hằng			Số CCCD: 008184000862 Ngày cấp: 11/3/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số 91, Tổ 18, P. Đội Cấn, Tp. Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang			Em dâu
7.12	Công ty cổ phần Dụng cụ số 1			Số ĐKKD: 0100100791 Đăng ký lần đầu: 07/01/2004 Thay đổi lần 7: 24/06/2024 Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp.Hà Nội	Số 108 đường Nguyễn Trãi, P. Thượng Đình, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội			Ông Vũ Trung Thực là Chủ tịch HĐQT Công ty
8	**Đào Văn Thắng**		Trưởng Ban Tài chính - Kế toán	Số CCCD: 034091003956 Ngày cấp: 07/7/2016 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 8A Thôn Thượng Phúc, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội			Thực hiện nhiệm vụ Phụ trách Kế toán Tổng công ty

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
8.1	Đào Văn Tập			Số CCCD: 034063001069 Ngày cấp: 02/05/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Xã Bình Minh, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình			Bố đẻ
8.2	Phạm Thị Hoa			Số CCCD: 034165000893 Ngày cấp: 02/05/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Xã Bình Minh, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình			Mẹ đẻ
8.3	Vũ Đức Hậu			Số CCCD: 034063007030 Ngày cấp: 19/12/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Xã Bình Minh, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình			Bố vợ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
8.4	Trần Thị Hòa			Số CCCD: 034162003484 Ngày cấp: 19/12/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Xã Bình Minh, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình			Mẹ vợ
8.5	Vũ Thị Thuận Yến			Số CCCD: 034191004417 Ngày cấp: 12/01/2018 Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	Số 8A Thôn Thượng Phúc, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội			Vợ
8.6	Đào Vũ Minh Khang			Số CCCD: 034219003577 Ngày cấp: 16/05/2019 Nơi cấp: UBND xã Bình Minh	Số 8A Thôn Thượng Phúc, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội			Con ruột

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
8.7	Đào Minh Hạ Vy			Số CCCD: 034322007261 Ngày cấp: 09/10/2022 Nơi cấp: UBND xã Bình Minh	Số 8A Thôn Thượng Phúc, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội			Con ruột
8.8	Đào Thị Hoài Thanh			Số CCCD: 034165000563 Ngày cấp: 01/7/2022 Nơi cấp: UBND xã Bình Minh	Xã Bình Minh, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình			Chị ruột
8.9	Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thiết bị toàn bộ và kỹ thuật			Số ĐKKD: 0100108021 Đăng ký lần đầu: 08/11/2010 Thay đổi lần 6: 01/4/2016 Nơi cấp: Sở KH&ĐT Tp. HN	Số 16-18 Tràng Thi, P. Hàng Trống, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội			Ông Đào Văn Thắng phụ trách công tác tài chính kế toán Công ty

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
9	**Đinh Quang Hòa**		Trưởng Ban Kiểm soát	Số CCCD: 030073003308 Ngày cấp: 08/12/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số nhà 83 ngõ Tân Lạc, Phố Đại La, P. Trương Định, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội			Người nội bộ
9.1	Đinh Công Tình			Số CCCD: 022040000729 Ngày cấp: 19/4/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số nhà 83 ngõ Tân Lạc, Phố Đại La, P. Trương Định, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội			Bố đẻ
9.2	Vũ Thị Kim Thau							Mẹ đẻ (đã mất)

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
9.3	Bùi Việt Hà							Vợ (đã ly hôn)
9.4	Đinh Mai Trang			Số CCCD: 001301004275 Ngày cấp: 28/10/2019 Nơi cấp: Cục trưởng cục CS QLHC về TTXH	Số 204, ngõ 452, P. Trương Định Tân Mai, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội			Con gái
9.5	Đinh Quang Vinh			Số CCCD: 001201004429 Ngày cấp: 27/12/2021 Nơi cấp: Cục trưởng cục CS QLHC về TTXH	Số 204, ngõ 452, P. Trương Định Tân Mai, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội			Con trai
9.6	Đinh Tiến Đạt			Số CCCD: 001205050582 Ngày cấp: 04/12/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số 204, ngõ 452, P. Trương Định Tân Mai, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội			Còn nhỏ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
9.7	Đinh Thị Lan Duyên			Số CCCD: 030167000104 Ngày cấp: 26/8/2015 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	11 Phố Vọng, Tp. Hà Nội			Chị gái
9.8	Vũ Việt Kha			Số CMND: 011416480 Ngày cấp: 10/10/2007 Nơi cấp: CA Hà Nội	11 Phố Vọng, Tp. Hà Nội	4.000	0,00282%	Anh rể
9.9	Đinh Công Hải			Số CCCD: 030069004852 Ngày cấp: 18/3/2019 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	11 Phố Vọng, Tổ 67 P. Đồng Tâm, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội			Anh trai
9.10	Lê Mai Thi			Số CCCD: 035177002579 Ngày cấp: 01/4/2019 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	11 Phố Vọng, Tổ 67 P.Đồng Tâm, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội			Chị dâu

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
9.11	Đinh Quốc Hưng			Số CCCD: 001071000692 Ngày cấp: 08/7/2019 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số nhà 83 ngõ Tân Lạc, P. Đại La, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội			Anh trai
9.12	Đỗ Thị Thu Huyền			Số CMND: 013312533 Ngày cấp: 20/5/2010 Nơi cấp: CA Hà Nội	Số nhà 83 ngõ Tân Lạc, P. Đại La, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội			Chị dâu
9.13	Đinh Thị Kim Dung			Số CCCD: 030180009335 Ngày cấp: 10/4/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	CHCC 01605 THNO ĐN28 Tầng LQTTL, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội			Em gái
9.14	Phạm Thành Nam			Số CCCD: 036076010905 Ngày cấp: 10/4/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	CHCC 01605 THNO ĐN28 Tầng LQTTL, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội			Em rể

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
10	**Lê Thị Minh Huyền**		Kiểm soát viên; Trưởng ban Tổ chức Nhân sự	Số CCCD: 026172007322 Ngày cấp: 17/5/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	C0903 Nhà N03 Chung cư 25 Phố Lạc Trung, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội			Người nội bộ
10.1	Lê Hồng Quang							Bố đẻ (đã mất)
10.2	Bùi Thị Khuê			Số CMND: 013424546 Ngày cấp: 19/5/2011 Nơi cấp: CA Hà Nội	Số nhà 1 Ngõ 120/71 P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội			Mẹ đẻ
10.3	Nghiêm Xuân Bạch							Bố chồng (đã mất)
10.4	Vũ Thị Lợi			Số CMND: 010759189 Ngày cấp: 12/6/2003 Nơi cấp: CA Hà Nội	Số nhà 48 ngách 22/127 tổ 6 P.Trần Phú, Q. Hoàng Mai, Tp.Hà Nội			Mẹ chồng

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
10.5	Nghiêm Xuân Giang			Số CCCD: 001068004791 Ngày cấp: 21/4/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	C0903 Nhà N03 Chung cư 25 Phố Lạc Trung, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội			Chồng
10.6	Nghiêm Xuân Dương			Số CCCD: 001201006488 Ngày cấp: 17/5/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	C0903 Nhà N03 Chung cư 25 Phố Lạc Trung, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội			Con đẻ
10.7	Nghiêm Gia Khanh			Số CCCD: 001304010002 Ngày cấp: 13/5/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	C0903 Nhà N03 Chung cư 25 Phố Lạc Trung, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội			Con đẻ
10.8	Lê Thị Thu Hằng			Số CCCD: 026170001190 Ngày cấp: 22/2/2018 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số nhà 52 tổ 8 P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội			Chị gái

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
10.9	Nguyễn Trường Mai			Số CMND: 012212030 Ngày cấp: 03/12/2007 Nơi cấp: CA Hà Nội	Số nhà 52 tổ 8 P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội			Anh rể
10.10	Lê Hồng Việt			Số CMND: 012019919 Ngày cấp: 14/5/2011 Nơi cấp: CA Hà Nội	Số nhà 1 Ngõ 120/71 P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội			Em trai
10.11	Trần Thị Nhung			Số CMND: 034182002625 Ngày cấp: 03/9/2015 Nơi cấp: Cục CS ĐKQL & DLQG về dân cư	Số nhà 1 Ngõ 120/71 Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội			Em dâu
11	**Nguyễn Thị Khánh Ly**		Kiểm soát viên; Phó Trưởng Ban Tổ chức - Nhân sự	Số CCCD: 034183000120 Ngày cấp: 10/7/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Căn hộ 1107 Tòa nhà Imperial Plaza, số 360 đường Giải Phóng, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội			Người nội bộ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
11.1	Nguyễn Cao Vương							Bố đẻ (đã mất)
11.2	Nguyễn Thị Lễ			Số CCCD: 034163006538 Ngày cấp: 29/4/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Căn hộ 1207 Tòa nhà Imperial Plaza, số 360 đường Giải Phóng, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội			Mẹ đẻ
11.3	Nguyễn Thế Phương			Số CCCD: 024051000038 Ngày cấp: 23/7/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Căn hộ 2507 Tòa nhà Imperial Plaza, số 360 đường Giải Phóng, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội			Bố chồng
11.4	Hoàng Thị Vân			Số CCCD: 024158009057 Ngày cấp: 21/6/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Căn hộ 2507 Tòa nhà Imperial Plaza, số 360 đường Giải Phóng, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội			Mẹ chồng

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
11.5	Nguyễn Thế Hùng							Chồng (đã mất)
11.6	Nguyễn Hoàng Hải			Số CCCD: 001208040486 Ngày cấp: 18/2/2023 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Căn hộ 1107 Tòa nhà Imperial Plaza, số 360 đường Giải Phóng, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội			Con đẻ (Còn nhỏ)
11.7	Nguyễn Đan Quỳnh				Căn hộ 1107 Tòa nhà Imperial Plaza, số 360 đường Giải Phóng, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội			Con đẻ (Còn nhỏ)
11.8	Nguyễn Thị Hồng Phượng			Số CCCD: 034186000080 Ngày cấp: 10/5/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Căn hộ 1207 Tòa nhà Imperial Plaza, số 360 đường Giải Phóng, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội			Em gái

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
11.9	Nguyễn Việt Đức			Số CCCD: 022084002063 Ngày cấp: 25/4/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Căn hộ 1207 Tòa nhà Imperial Plaza, số 360 đường Giải Phóng, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội			Em rể
12	**Nguyễn Thị Minh Tâm**	014C51 7188	TB. Kế hoạch Đầu tư; Thư ký HĐQT, Phụ trách quản trị Tổng công ty	Số CCCD: 001178042388 Ngày cấp: 10/7/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số 1 ngõ 84 phố Yên Hòa, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội			Người nội bộ
12.1	Nguyễn Nhất Việt			Số CCCD: 030046000357 Ngày cấp: 10/5/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	76 Nguyễn Lân, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội			Bố đẻ
12.2	Trần Thị Thược			Số CMND: 010088112 Ngày cấp: 18/8/2008 Nơi cấp: CA TP HN	76 Nguyễn Lân, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội			Mẹ đẻ

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
12.3	Nguyễn Thế Thường			Số CCCD: 030037002522 Ngày cấp: 23/7/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số 1 ngõ 84 phố Yên Hòa, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội			Bố chồng
12.4	Phạm Thị Ngân			Số CCCD: 030140005689 Ngày cấp: 23/7/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số 1 ngõ 84 phố Yên Hòa, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội			Mẹ chồng
12.5	Nguyễn Thế Hùng	014C50 0289		Số CCCD: 030072005266 Ngày cấp: 9/10/2018 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số 1 ngõ 84 phố Yên Hòa, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội			Chồng
12.6	Nguyễn Thế Đức			Số CCCD: 001206035384 Ngày cấp: 27/4/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	Số 1 ngõ 84 phố Yên Hòa, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội			Con

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
12.7	Nguyễn Thế Phúc				Số 1 ngõ 84 phố Yên Hòa, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội			Con
12.8	Nguyễn Nhất Tuấn			Số CMND: 011563245 Ngày cấp: 07/11/2009 Nơi cấp: CA TP HN	78 Nguyễn Lân, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội			Anh trai
12.9	Phan Vân Ánh			Số CMND: 011857151 Ngày cấp: 21/3/2013 Nơi cấp: CA TP HN	78 Nguyễn Lân, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội			Chị dâu
12.10	Nguyễn Nhất Tùng			Số CCCD: 001082028549 Ngày cấp: 01/5/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	72 Nguyễn Lân, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội			Em trai

STT	Họ tên	Tài khoản giao dịch	Chức vụ tại Tổng công ty	Số CMND/ ĐKKD, Ngày cấp, Nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
12.11	Nguyễn Minh Nguyệt			Số CCCD: 001185027348 Ngày cấp: 05/11/2018 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	72 Nguyễn Lân, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội			Em dâu
12.12	Nguyễn Nhất Hải			Số CCCD: 001082032928 Ngày cấp: 16/4/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	74 Nguyễn Lân, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội			Em trai
12.13	Vũ Mai Anh			Số CCCD: 001185017532 Ngày cấp: 09/4/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH	74 Nguyễn Lân, P. Phương Liệt, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội			Em dâu